

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST  
Ngày: 24-8-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng mua  
bán hàng hoá

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Văn Lước;

2. Bà Đặng Thị Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 07/2020/TLST-KDTM ngày 01/7/2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 11/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Đ, địa chỉ: Phòng 4.11 lầu 4, tòa nhà E 1, số 364 C, Phường x, quận T, thành phố H;

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh N. Chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phạm Bình Khiêm, sinh năm 1976; địa chỉ liên hệ: Phòng 4.11. Lầu 4, tòa nhà E 1, số C, Phường x, quận T, thành phố H; (Văn bản ủy quyền ngày 21/5/2020); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH B, địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện U, tỉnh B

*Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:* Ông Nguyễn Duy T. Chức vụ: Giám đốc.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện U, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 20/7/2020); có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2020, bản tự khai ngày 09/7/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Bình Ktrình bày:

Công ty TNHH Đ (sau đây gọi tắt là Công ty A) và Công ty TNHH B (sau đây gọi tắt là Công ty B) có giao dịch mua bán hàng hóa thông với nhau theo Hợp đồng mua bán số DVT048/B/2018-01 ngày 01/01/2018. Theo đó, Công ty A cung cấp các sản phẩm keo công nghiệp cho Công ty B theo từng đơn hàng. Đơn giá do Công ty A báo giá bằng văn bản gửi cho Công ty B; số lượng hàng hóa và chủng loại sản phẩm của mỗi đơn hàng do Công ty B đặt hàng qua điện thoại. Hình thức thanh toán: Công ty B thanh toán bằng chuyển khoản cho Công ty A trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận hàng thể hiện trên hóa đơn bán hàng. Trong trường hợp Công ty B thanh toán chậm hơn so với thời hạn thanh toán nêu trên, thì Công ty B phải thanh toán thêm lãi suất quá hạn là 0,1%/ngày trên số tiền chậm trả cho Công ty A.

Thực hiện hợp đồng nêu trên Công ty TNHH B đã mua hàng hóa là keo dùng trong ngành gỗ theo các hóa đơn bán hàng số 0009903 ngày 01/10/2018; số 0009720 ngày 22/9/2018 và 0008718 ngày 10/8/2018 (đã bao gồm GTGT) mà phía nguyên đơn đã nộp cho Tòa án. Ngoài ra, khi nhận hàng còn có các phiếu xuất kho ngày 01/10/2018, ngày 22/9/2018 và ngày 10/8/2018. Sau khi đã nhận hàng thì hai bên đã có Bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2019.

Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty B thực hiện không đúng thỏa thuận theo hợp đồng đã ký, nên phát sinh công nợ. Tính đến thời điểm cuối ngày 30/9/2019, Công ty B còn nợ Công ty A số tiền mua hàng là 139.988.422 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng).

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty B phải thanh toán số tiền là 187.244.283 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng). Trong đó số tiền 139.988.422 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng) và tiền lãi (lãi được tính theo mức 0,1%/ngày tính từ ngày xuất hóa đơn trừ đi 15 ngày) là tiền lãi chậm trả do vi phạm hợp đồng tính đến ngày 24/8/2020.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án tính lại khoản tiền lãi cho đến ngày xét xử 24/8/2020 theo mức 20%/năm cho phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể là:

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0008718 ngày 10/8/2018, số tiền nợ là 77.588.500 đồng (trừ đi 15 ngày sau khi xuất hóa đơn) từ ngày 26/8/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 24/8/2020 là 24 tháng x 77.588.500 đồng x 1,66%/tháng = 30.911.258 đồng.

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0009720 ngày 22/9/2018, số tiền nợ là 59.999.966 đồng (trừ đi 15 ngày sau khi xuất hóa đơn) từ ngày 22/9/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 24/8/2020 là 23 tháng x 59.999.966 đồng x 1,66%/tháng = 22.907.987 đồng.

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0009903 ngày 01/10/2018, số tiền nợ là 59.999.966 đồng (trừ đi 15 ngày sau khi xuất hóa đơn) từ ngày 01/10/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 24/8/2020 là 22 tháng x 59.999.966 đồng x 1,66%/tháng = 21.911.987 đồng; tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải thanh toán là 215.719.654 đồng (trong đó gốc là 139.988.422 đồng và lãi là 75.731.232 đồng).

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn H, trình bày:*

Công ty TNHH B thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về việc Công ty TNHH B và Công ty TNHH Đ có ký hợp đồng mua bán hàng hóa theo hợp đồng mua bán số DVT048/BIENDONG/2018-01 ngày 01/01/2018. Thực hiện hợp đồng nêu trên Công ty TNHH B đã mua hàng hóa là keo dùng trong ngành gỗ theo các hóa đơn bán hàng số 0009903 ngày 01/10/2018; số 0009720 ngày 22/9/2018 và 0008718 ngày 10/8/2018 do phía nguyên đơn đã nộp cho Tòa án. Ngoài ra, khi nhận hàng còn có các phiếu xuất kho ngày 01/10/2018, ngày 22/9/2018 và ngày 10/8/2018. Sau khi đã nhận hàng thì hai bên đã có Bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2019. Tính đến ngày 30/9/2019 thì Công ty TNHH B còn nợ Công ty TNHH Đ số tiền gốc là 139.988.422 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng). Hiện nay, bị đơn đồng ý trả khoản tiền gốc nêu trên cho nguyên đơn nhưng do tình hình khó khăn của Công ty nên xin thanh toán trong thời hạn 04 tháng nếu nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi suất.

Đối với số tiền lãi thì bị đơn có ý kiến như sau: Tại bản đối chiếu công nợ nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Công ty TNHH B chỉ đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc trong vòng 04 tháng, nếu Công ty TNHH Đ không tính lãi suất. Tại phiên tòa, trường hợp Công ty TNHH Đ tính lãi thì sẽ thanh toán trong 14 tháng với lãi suất 8,5%/năm với số tiền lãi tính được là 23.318.619 đồng (Hai ba triệu ba trăm mười tám nghìn sáu trăm mười chín đồng). Tổng số tiền Công ty TNHH B chỉ đồng ý trả cho Công ty TNHH Đ tổng cộng gốc và lãi là 163.307.041 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm lẻ bảy nghìn, không trăm bốn mươi một đồng) nhưng xin trả dần trong thời hạn 14 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên.

- Về nội dung vụ án: Bị đơn đã thừa nhận số tiền gốc còn nợ nguyên đơn là 139.988.422 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng) nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Đối với số tiền lãi, tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu, chỉ đề nghị tính lãi suất 20%/năm, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 75.731.232 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu tại phiên tòa là 215.719.654 đồng (trong đó gốc là 139.988.422 đồng và lãi là 75.731.232 đồng) là phù hợp với các quy định tại Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại và Điều 468 Bộ luật dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền hàng chưa thanh toán; bị đơn có trụ sở chính tại huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán

hàng hóa” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung vụ án:

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền là 215.719.654 đồng (trong đó gốc mua hàng là 139.988.422 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 75.731.232 đồng) tính đến ngày 24/8/2020. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3] Về số tiền nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất trình bày: Giữa Công ty TNHH B và Công ty TNHH Đ có ký hợp đồng mua bán hàng hóa theo hợp đồng số DVT048/B/2018-01 ngày 01/01/2018. Thực hiện hợp đồng nêu trên Công ty TNHH B đã mua hàng hóa là keo dùng trong ngành gỗ theo các hóa đơn bán hàng số 0009903 ngày 01/10/2018; số 0009720 ngày 22/9/2018 và 0008718 ngày 10/8/2018 do phía nguyên đơn đã nộp cho Tòa án. Ngoài ra, khi nhận hàng còn có các phiếu xuất kho ngày 01/10/2018, ngày 22/9/2018 và ngày 10/8/2018. Sau khi đã nhận hàng thì hai bên đã có Bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2019. Tính đến ngày 30/9/2019 thì Công ty TNHH B còn nợ Công ty TNHH Đ số tiền gốc là 139.988.422 đồng. Bị đơn đồng ý trả số tiền gốc theo yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH B phải trả số tiền bán hàng còn nợ là 139.988.422 đồng.

[4] Về tiền lãi do bị đơn chậm thanh toán: Theo hợp đồng các bên thỏa thuận lãi suất quá hạn là 0,1%/ngày. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện hợp pháp nguyên đơn đã tự nguyện yêu cầu tính lãi suất là 20%/năm theo số tiền trên từng hóa đơn bán hàng, cụ thể là:

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0008718 ngày 10/8/2018, số tiền nợ là 77.588.500 đồng (trừ đi 15 ngày sau khi xuất hóa đơn) từ ngày 26/8/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 24/8/2020 là 24 tháng x 77.588.500 đồng x 1,66%/tháng = 30.911.258 đồng.

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0009720 ngày 22/9/2018, số tiền nợ là 59.999.966 đồng (trừ đi 15 ngày sau khi xuất hóa đơn) từ ngày 22/9/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 24/8/2020 là 23 tháng x 59.999.966 đồng x 1,66%/tháng = 22.907.987 đồng.

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0009903 ngày 01/10/2018, số tiền nợ là 59.999.966 đồng (trừ đi 15 ngày sau khi xuất hóa đơn) từ ngày 01/10/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 24/8/2020 là 22 tháng x 59.999.966 đồng x 1,66%/tháng = 21.911.987 đồng; tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải thanh toán là 215.719.654 đồng (trong đó gốc là 139.988.422 đồng và lãi là 75.731.232 đồng).

Như vậy, bị đơn phải thanh toán tổng số tiền 215.719.654 đồng (trong đó gốc là 139.988.422 đồng và lãi là 75.731.232 đồng) tính đến ngày 24/8/2020. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn.

Xét ý kiến của bị đơn xin thanh toán dần số tiền nợ gốc và lãi (do bị đơn tự đưa ra) trong thời hạn 14 tháng như trên là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 228, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
- Căn cứ các Điều 11, 24, 50, 55 và 306 của Luật Thương mại năm 2005;  
- Căn cứ Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015  
- Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đ đối với bị đơn Công ty TNHH B về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

2. Buộc Công ty TNHH B phải thanh toán cho Công ty TNHH Đ tổng số tiền là 215.719.654 đồng (Hai trăm mười lăm triệu, bảy trăm mười chín nghìn, sáu trăm năm mươi bốn đồng) (trong đó tiền gốc là 139.988.422 đồng và lãi là 75.731.232 đồng tính đến ngày 24/8/2020).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Đ không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Công ty TNHH Đ số tiền 4.302.000 đồng (Bốn triệu ba trăm lẻ hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0031032 ngày 16/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Công ty Công ty TNHH B phải nộp số tiền 10.785.983 đồng (Mười triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Hùng**